

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 9 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi
ly hôn và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 2000, địa chỉ: Ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Nhã Y, địa chỉ: Ấp 3A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022.

- Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 24/6/2022, Bản trình bày ý kiến ngày 26/7/2022, Biên bản hoà giải ngày 18/8/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, bà và Ông Lê Văn P có quen biết, sau một thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới tại địa phương và có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/6/2021. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, nên cả hai không còn tìm được tiếng nói chung, khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay.

Nay xét thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn, nên bà quyết định gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xin ly hôn với Ông Lê Văn P.

-Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một người con chung là Lê Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 13/02/2022, hiện tại đang sống với bà. Nay giải quyết ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

-Về tài sản chung:

1. Về số vàng khi cưới Ông P có cho bà là 15 chỉ vàng 24K. Số vàng này sau khi kết hôn Ông P đồng ý cho bà giữ. Đến khoảng tháng 5/2021, bà mang thai, tuy nhiên thời điểm này cũng là lúc bùng phát dịch bệnh Covid 19, việc đi lại gặp khó khăn, nên bà và Ông P phải nghỉ việc. Cũng vì không có nguồn thu nhập, bà lại đang mang thai mà còn nhiễm bệnh Covid-19, phải điều trị tại khu cách ly. Nên bà nhờ người thân bán dùm 10 chỉ vàng và nhận được số tiền là 49.000.000 đồng (vào thời điểm bán giá khoảng 4.800.000đồng/chỉ). Số tiền này được sử dụng hết vào việc chi tiêu mua sắm các vật dụng cần thiết để sinh hoạt trong gia đình của bà với Ông P, và dùng để đi khám thai định kỳ, mua thuốc bổ và sữa bầu. Theo đó số vàng còn lại tại thời điểm này là 05 chỉ. Vì bản thân bà phải nghỉ việc, không có thu nhập còn Ông P không quan tâm lo lắng đến vấn đề sức khỏe của mẹ con bà, nên khi bà sinh bé Lê Nguyễn Ngọc V, bà đã bán thêm 03 chỉ vàng với giá là 5.010.000 đồng/chỉ, để có chi phí đi sinh nở. Hiện số vàng còn lại bà đang giữ là 02 chỉ vàng 24K.

2. Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH 150, trị giá 124.500.000 đồng do Ông Lê Văn P đứng tên. Phần tài sản này Ông P cho rằng là của ông mua là hoàn toàn không đúng, vì tiền mua xe là một phần của hai vợ chồng tích góp, đồng thời có mượn thêm của mẹ bà là Bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 90.000.000 đồng mới đủ mua xe.

3. Số vàng cưới mà Ông P trình bày của mẹ bà cho là 20 chỉ vàng (10 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K) Ông P yêu cầu chia đôi. Bà hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu phản tố này, bởi các lý do sau:

+Thứ nhất: Trước khi bà quen và kết hôn với Ông P thì bà đã được cha mẹ mua cho một số trang sức vàng 18K (trọng lượng khoảng 10 chỉ), do đó đây

được xem là tài sản riêng của bà, cho nên yêu cầu chia phân tài sản này là không hợp lý.

+Thứ hai: Khi bà và Ông P kết hôn với nhau, gia đình bà không có cho số vàng và tiền nào, nên không thể chấp nhận yêu cầu vô căn cứ này của Ông P.

-Về nợ chung: Vợ chồng có mượn của Bà Nguyễn Thị Hồng Th (mẹ ruột của bà) 90.000.000 đồng để mua xe gắn máy hiệu Honda SH 150, trị giá 124.500.000 đồng, ngoài ra Ông P còn mượn riêng của Bà Th 12.000.000 đồng để mua điện thoại Iphone. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

**Theo Đơn phản tố ngày 21/7/2022, Tờ tường trình ngày 25/7/2022, Biên bản hòa giải ngày 18/8/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Lê Văn P trình bày:*

Về mối quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, ông thống nhất theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị Huyền Tr. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Tr, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Tr;
- Về con chung: Ông đồng ý giao con chung cho bà Tr nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con;

-Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

+Khi cưới, ông có cho vợ (bà Tr) 15 chỉ vàng 24K (bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, và bộ vòng, dây chuyền 14 chỉ). Về phần bên vợ ông cho 20 chỉ vàng, trong đó có 10 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K.

+Cưới xong, ông mua thêm 01 chiếc xe Honda SH màu Xám Đen biển số: 83C1-7xx.yy trị giá 124.500.000 đồng, xe này ông đứng tên sở hữu và hiện nay do bà Tr đang quản lý, sử dụng.

Khi yêu cầu ly hôn, bà Tr không kê khai phần tài sản chung, nên ông yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi số tài sản nêu trên theo quy định. Ông không có mượn tiền Bà Nguyễn Thị Hồng Th, nên không đồng ý theo yêu cầu của Bà Th.

**Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 28/7/2022, Biên bản hòa giải ngày 18/8/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:*

Vào tháng 01 năm 2021, con gái bà là Nguyễn Thị Huyền Tr có tổ chức đám cưới với Ông Lê Văn P, sau khi lễ cưới được diễn ra, cả hai về sống tại ấp An Thới, thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Đến tháng 3/2021, Ông P bị hư điện thoại nên có hỏi mượn bà 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để mua điện thoại mới. Bà thấy điện thoại của Ông P đã bị hư nên đồng ý cho mượn và Ông P hứa sẽ trả lại cho bà sau.

Một thời gian sau, khoảng tháng 5/2021, bà Tr mang thai nhưng do tình trạng sức khỏe không được tốt, hơn nữa vào thời điểm này cũng là đợt bùng phát dịch Covid 19, nên việc đi lại gặp hạn chế, nên Ông P đưa bà Tr về ở với bà đề

cho tiện chăm sóc. Kể từ khi bà Tr về nhà bà, tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, thì việc đi lại của Ông P gặp khó khăn, do không có phương tiện, nên vào tháng 01/2022, hai vợ chồng Ông P và bà Tr có hỏi mượn bà số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) để mua xe. Thấy việc mượn tiền của con là chính đáng, vì phương tiện đi lại là cần thiết, nên bà đồng ý cho cả hai mượn số tiền trên. Nhưng do là người thân trong gia đình tin tưởng nhau, nên khi cho cả hai người mượn số tiền trên, bà không có lập bất cứ giấy tờ nào. Vì quan hệ mẹ con và con rể, nên khi cho mượn tiền bà tin tưởng, nên không có làm giấy tờ, biên nhận gì.

Hiện nay, bà được biết vợ chồng Bà Nguyễn Thị Huyền Tr và Ông Lê Văn P đã nộp hồ sơ xin ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết.

Nay mối quan hệ hôn nhân của con gái bà và chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn, vì vậy bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu Ông Lê Văn P và Bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả cho bà số tiền đã mượn là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) bà không yêu cầu tính lãi phát sinh.

2. Yêu cầu Ông Lê Văn P phải trả cho bà số tiền đã mua điện thoại cho bản thân Ông P là 12.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện là yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng, bị đơn thay đổi một phần yêu cầu phản tố là chỉ yêu cầu chia 15 chỉ vàng 24K, là tài sản mà gia đình nguyên đơn cho vợ chồng (bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, bộ vòng và dây chuyền 14 chỉ) và 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen biển số: 83C1-7xx.yy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút lại yêu cầu độc lập, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của đương sự là không vượt quá phạm vi khởi

kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr và Ông Lê Văn P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/6/2021, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, Ông P và bà Tr có nhiều mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ tháng 3/2022, đến thời điểm này, cả Ông P và bà Tr cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa, hai người cũng đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr đối với Ông P.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Tr và Ông P có 01 người con chung là Lê Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 13/02/2022, hiện đang sống với bà Tr.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2022), cháu Lê Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 13/02/2022, dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét thấy, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, người cha cũng đồng ý giao con cho người mẹ nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr, giao cháu Lê Nguyễn Ngọc V, cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho Ông P, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, cho nên ý kiến của Ông P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Tr, buộc Ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 13/02/2022, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 16/9/2022 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về tài sản chung: Ông P cho rằng bà Tr đang quản lý tài sản chung của vợ chồng gồm có: Vàng cưới 15 chỉ vàng 24K (bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ; bộ vòng, dây chuyền 14 chỉ) và một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy, trị giá 124.500.000 đồng, chiếc xe này ông đứng tên chủ sở hữu và hiện nay do bà Tr đang quản lý, sử dụng. Ông P cung cấp cho Tòa án đoạn Video ghi lại việc gia đình hai bên có tặng cho vợ chồng số vàng khi làm đám cưới, hỏi và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, xe gắn máy số 83 010644, ngày 15/3/2022 do Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp, chứng minh Ông P là chủ sở hữu chiếc xe gắn máy này.

[9] Bà Tr thừa nhận có quản lý 15 chỉ vàng 24K (vàng cưới bên gia đình Ông P cho) và chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH nêu trên, nhưng bà Tr cho rằng: Khi bà mang thai, cũng là lúc bùng phát dịch bệnh Covid 19, việc đi lại gặp khó khăn, nên bà và Ông P phải nghỉ việc. Cũng vì không có nguồn thu nhập, bà lại đang mang thai mà còn nhiễm bệnh Covid-19, phải điều trị tại khu cách ly. Nên bà nhờ người thân bán dùm 10 chỉ vàng được số tiền là 49.000.000 đồng. Số tiền này được sử dụng hết vào việc chi tiêu, mua sắm các vật dụng cần thiết để sinh hoạt trong gia đình của bà với Ông P, dùng để đi khám thai định kỳ, mua thuốc bổ và sữa bầu. Vì bản thân bà phải nghỉ việc, không có thu nhập còn Ông P không quan tâm, lo lắng đến vấn đề sức khỏe của mẹ con bà, nên khi bà sinh bé Lê Nguyễn Ngọc V, bà đã bán để có chi phí đi sinh nở. Hiện số vàng còn lại bà đang giữ là 02 chỉ vàng 24K, tại phiên tòa bà Tr cho rằng đã bán chỉ xài hết số vàng này. Chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy, tài sản này Ông P cho rằng là của Ông P mua là hoàn toàn không đúng, vì tiền mua xe là một phần của hai vợ chồng tích góp, đồng thời có mượn thêm của mẹ bà là Bà Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 90.000.000 đồng, mới đủ mua xe.

[10] Tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;

Khoản 2: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó;

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[11] Tòa án có văn bản yêu cầu bà Tr cung cấp chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà nêu trên là sự thật, theo nội dung văn bản số 630/TB-TA, ngày 01/8/2022. Nhưng cho đến nay, bà Tr không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì có giá trị chứng minh. Bà chỉ cung cấp được 07 tấm ảnh chụp bà có đeo nữ trang; Giấy ra viện ngày 15/02/2022; các kết quả siêu âm thai và các hóa đơn viện phí, bán lẻ, đơn thuốc với tổng giá trị thành tiền là 2.746.412 đồng và Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú ngày 03/9/2022 cho bé Ngọc V với tổng số tiền 4.501.220 đồng. Cho nên, lời trình bày của bà Tr nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Về nợ chung và riêng: Bà Nguyễn Thị Hồng Th cho rằng vợ chồng bà Tr, Ông P có mượn của bà số tiền 90.000.000 đồng để mua chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy; Riêng Ông P, vào tháng 3/2021, có hỏi mượn của bà 12.000.000 đồng để mua điện thoại. Vì quan hệ mẹ con và con rể, nên khi cho mượn tiền bà tin tưởng, nên không có làm giấy tờ, biên nhận gì. Cho nên, khi giải quyết ly hôn, bà yêu cầu vợ chồng bà Tr, Ông P trả cho bà 90.000.000 đồng và yêu cầu Ông P trả cho bà 12.000.000 đồng. Ngược lại, Ông P không thừa nhận có mượn tiền theo như lời trình bày của Bà Th, nên không đồng ý trả. Tòa án đã có văn bản yêu cầu Bà Th cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cho mượn tiền, theo nội dung văn bản số 631/TB-TA, ngày 01/8/2022. Nhưng cho đến nay, Bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì có giá trị chứng minh, ngoài lời thừa nhận của con gái bà (bà Tr). Xét lời làm chứng của Trang, là không mang tính khách quan (theo Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự), vì bà Tr có quan hệ thân thích (con ruột) với Bà Th. Cho nên, lời khai của bà Tr không thể dùng làm bằng chứng để chứng minh việc Bà Th có cho vợ chồng bà Tr, Ông P mượn tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 và Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Nguyễn Thị Hồng Th, về việc buộc vợ chồng bà Tr, Ông P trả 90.000.000 đồng và yêu cầu Ông P trả 12.000.000 đồng.

[13] Vì vậy, căn cứ vào Điều 29 và Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Ông Lê Văn P về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, xác định tài sản chung của Ông P và bà Tr gồm có: 14 chỉ vàng 24K (đã khấu trừ đôi bông tai 01 chỉ cho bà Tr) và một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy, trị giá 124.500.000 đồng, các tài sản này hiện nay do bà Tr đang quản lý, sử dụng. Phân chia cho bà Tr và Ông P mỗi người được sở hữu

phần nửa (1/2) các tài sản này, tính theo giá vàng hiện nay 01 chỉ vàng 24K=5.040.000 đồng, cụ thể phân chia như sau:

-Bà Tr và Ông P mỗi người được sở hữu 07 chỉ vàng 24K, trị giá thành tiền là 35.280.000 đồng. Do bà Tr đang quản lý toàn bộ số vàng này, cho nên buộc bà Tr phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ông P 07 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 35.280.000 đồng.

-Bà Tr được sở hữu chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ông P phân nửa giá trị của chiếc xe này thành tiền là 55.002.368 đồng (đã khấu trừ chi phí khám, chữa bệnh cho cháu Vy và chi phí cho việc mang thai, sinh con tổng cộng là 4.501.220 đồng + 2.746.412 đồng = 7.247.632 đồng).

[14] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

-Buộc bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 4.514.118 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 4.814.118 đồng.

-Buộc Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 4.514.118 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 4.814.118 đồng.

-Buộc Bà Th phải chịu án phí có giá ngạch 5.100.000 đồng đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các điều 91, 92, 93, các khoản 1, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Huyền Tr đối với Ông Lê Văn P về việc ly hôn và nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn với Ông Lê Văn P.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 13/02/2022, đến đủ 18 tuổi; Ông P được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc Ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc V, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2022), cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

2. Chấp nhận một yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Lê Văn P đối với nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Huyền Tr về việc phân chia tài sản chung.

2.1. Xác định bà Tr đang quản lý, sử dụng tài sản chung gồm có 15 chỉ vàng 24K và một chiếc xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu Honda SH 150i màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy. Phân chia các tài sản chung này như sau: Bà Tr và Ông P mỗi người được sở hữu 07 chỉ vàng 24K, đã khấu trừ đôi bông tai 01 chỉ cho bà Tr. Do bà Tr đang quản lý toàn bộ số vàng này, cho nên buộc bà Tr phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ông P 07 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 35.280.000 đồng; Bà Tr được sở hữu chiếc xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu Honda SH 150i màu Xám Đen, biển số 83C1-7xx.yy, buộc bà Tr phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ông P phân nửa giá trị của chiếc xe này thành tiền là 55.002.368 đồng.

2.2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ông P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Tr còn phải trả lãi cho Ông P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Nguyễn Thị Hồng Th, về việc buộc vợ chồng bà Tr, Ông P trả số tiền 90.000.000 đồng và buộc Ông P trả số tiền 12.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Tr phải chịu 4.814.118 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003916, ngày 24/6/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Tr còn phải nộp thêm số tiền án phí 4.514.118 đồng.

- Buộc Ông P phải chịu 4.814.118 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.618.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003976, ngày 21/7/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Ông P còn phải nộp thêm số tiền án phí 1.196.118 đồng.

- Buộc Bà Th phải chịu 5.100.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.550.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0003995, ngày 01/8/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Bà Th còn phải nộp thêm số tiền án phí 2.550.000 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân thị trấn A;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng